TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2018/DS-PT
Ngày 18 tháng 5 năm 2018
V/v "Tranh chấp chia tài sản chung và chia tài sản thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ba

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Phan Đức Phương

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên tòa xét xử công khai phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 116/2017/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2017 về việc "Tranh chấp chia tài sản chung và chia tài sản thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 257/2017/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 610/2017/QĐPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1952 (vắng mặt).

2/ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 1/3 ấp 4, phường BHH A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 5 BL, phường BHH A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Bà Nguyễn Thị Thu Ph, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: 45/22 TL, phường PT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện ủy quyền của nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Phòng 7.7 Tòa nhà Tulip, số 15 HQV, phường PT, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Thế B1 – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Trà Anh K, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 9/1 (số cũ 11/5) ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện ủy quyền của ông K:*

1/ Bà Nguyễn Thị Minh Ph1, sinh năm 1977 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 71/1/5 HTC, phường 8, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Phan Ngọc Ng, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: 43, NĐK, phường 4, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông NLQ1, sinh năm 1952;

Địa chỉ: 8802 Frasure Fall Ave Las Vegas NV 89178 USA

- *Đại diện theo ủy quyền của ông NLQ1*: Ông Dương Đức Th, sinh năm 1964 (có mặt).

Trú tại: 18/B 410 chung cư HVC, phường PT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số 9/1 (số cũ 11/5) ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà NLQ2, sinh năm 1937;

Hộ chiếu số JG 716842 cấp ngày 07/07/2006 tại Canada.

Trú tại: 14 Benbow Rd Winnipeg Man R2R1J2 Canada.

3/ Ông NLQ3, sinh năm 1940;

Hộ chiếu số 222345 cấp tại Hoa Kỳ

Trú tại: 25/42 Buckskin Dr Laguna Hills Ca 92653 USA.

4/ Bà Bà NLQ4, sinh năm 1945;

Hộ chiếu số 433687963 cấp ngày 13/11/1999 tại Hoa Kỳ

Trú tại: 2405 W. Hall Ave Santa Ana CA 92704 USA.

5/ Bà NLQ5, sinh năm 1948;

Hộ chiếu số 201606334 cấp ngày 17/12/1999 tại Hoa Kỳ

Trú tại: 1274 Tucson Ave Sunnyvale CA 94089 USA.

6/ Bà NLQ6, sinh năm 1951;

Thẻ xanh: #055488191 cấp ngày 10/10/2003 tại Hoa Kỳ

Trú tại: 1274 Tucson Ave Sunnyvale CA 94089 USA.

7/ Bà NLQ7, sinh năm 1974;

Hộ chiếu số: 425198562 cấp ngày 10/7/2007 tại Hoa Kỳ

Trú tại: 1274 Tucson Ave Sunnyvale CA 94089 USA.

- *Đại diện ủy quyền của bà NLQ2, ông NLQ3, bà NLQ4, bà NLQ5, bà NLQ6, bà NLQ7*: Ông Trần Hữu L, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: 73/2 PVT, phường 14, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

8/ Bà NLQ8, sinh năm 1943;

Thẻ xanh: #056370510 cấp ngày 29/8/2003 tại Hoa Kỳ

Trú tại: 24536 Tonia Ave Lake Forest CA 92630 USA.

9/ Bà NLQ9, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: 988/3D khu phố 3, phường APĐ, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

10/ Bà NLQ10, sinh năm 1978

Địa chỉ: 811/3E khu phố 3, phường APĐ, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện ủy quyền của bà NLQ10*: Ông Phạm Hoàng T1, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: 72/13 NTN, phường 9, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 209 NTN, phường 9, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

11/ Bà NLQ11, sinh năm 1971(vắng mặt).

12/ Ông NLQ12, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 357/3 quốc lộ 13, tổ 10, khu phố 5, phường BHP, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

13/ Bà NLQ13, sinh năm 1976;

Trú tại: 2918 Archwood Cir San Jose, CA 95148 USA.

14/ Bà NLQ14, sinh năm 1962 (vắng mặt).

15/ Ông NLQ15, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 7, BL, tổ 340, phường BHH, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

16/ Bà NLQ16, sinh năm 1961

Địa chỉ: 9/1 (số cũ 11/5) ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền của bà NLQ16: Bà Nguyễn Thị Minh Ph1, sinh năm 1977 (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 71/1/5 HTC, phường 8, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh,

17/ Bà NLQ17, sinh năm 1969

Địa chỉ: 10299 Caverns Mouth Dr Las Vegas NV 89178 USA.

Đại diện ủy quyền của bà Tuyết: Bà Đặng Thị Cẩm V, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ: 29 TCĐ, phường 14, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

18/ Ông NLQ18, sinh năm 1972 (vắng mặt).

19/ Bà NLQ19, sinh năm 1982 (vắng mặt).

20/ Bà NLQ20, sinh năm 1987 (vắng mặt).

21/ Ông NLQ21, sinh năm 1989 (vắng mặt).

22/ Bà NLQ22, sinh năm 1979 (vắng mặt).

23/ NLQ23, sinh năm 2006 (vắng mặt).

24/ NLQ24, sinh năm 2008 (vắng mặt).

25/ Bà NLQ25, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Địa chỉ: 9/1 (số cũ 11/5) ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:*

1. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M.

2. Đại diện ủy quyền của bà NLQ2, ông NLQ3, bà NLQ4, bà NLQ5, bà NLQ6, bà NLQ7: Ông Trần Hữu L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/01/2008 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/8/2009 của nguyên đơn Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị T,Nguyễn Thị Thu Ph và lời khai của đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Ông Trà Văn T2, sinh năm 1889 (chết ngày 06/4/1982) và bà Lê Thị L, sinh năm 1893 (chết ngày 16/8/1977) tạo lập căn nhà mang số 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi ông T2, bà L chết thì ông Trà Văn T3 quản lý, sử dụng. Ông T3 chết con ông T3 là ông Trà Anh K quản lý, sử dụng.

Căn nhà trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 922/2004 ngày 13/4/2004 do Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân quận PN cấp cho ông Trà Văn T3 là đại diện cho các thừa kế của ông T2, bà L, trước bạ ngày 22/10/2004.

Ông Trà Văn T2 và bà Lê Thị L có 05 người con chung là:

- Trà Thị B2, sinh năm 1919 (chết ngày 03/3/1994); có chồng là ông Võ Văn Ng1 (chết ngày 16/6/1995 – cha mẹ ông Ng1 chết trước ông Ng1). Bà B2, ông Ng1 có 07 người con là: Ông NLQ3, sinh năm 1940; bà NLQ8, sinh năm 1943; bà NLQ4, sinh năm 1945; và NLQ5, sinh năm 1948; bà NLQ6, sinh năm 1951; ông Võ Văn T4, sinh năm 1936 (chết ngày 12/4/1992). Vợ ông T4 là bà Lê

Thị D (chết ngày 03/7/2002 cha mẹ bà D chết trước bà D), ông T4 bà D có 04 người con là NLQ12, sinh năm 1969; NLQ11, sinh năm 1971; bà NLQ7, sinh năm 1974; bà NLQ13, sinh năm 1976; ông Võ Tấn X, sinh năm 1954 (chết ngày 26/12/2005) ông X có vợ là bà NLQ9 và con là NLQ10, sinh năm 1978.

- Trà Thị R, sinh năm 1925 (chết ngày 07/6/2006) không chồng và không có con, trước đây sống cùng gia đình ông Trà Anh K tại căn nhà 9/1 cho đến lúc chết.

- Trà Thị S, sinh năm 1927 (chết ngày 14/11/2007); bà S có chồng là ông Nguyễn Văn Th1 (chết ngày 20/10/1999); bà S, ông Thình có 05 người con là Nguyễn Văn H, sinh năm 1952; ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1954; bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; bà Nguyễn Thị Thu Ph, sinh năm 1965; ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1960 (chết ngày 29/12/2002), ông H1 có vợ là bà NLQ14 và 01 người con là NLQ15.

- Ông Trà Văn T3 (chết ngày 05/10/2004), có vợ là bà Võ Ngọc E (chết ngày 21/5/1989), cha mẹ ông K có 03 người con chung là ông Trà Anh K, ông NLQ1 và bà NLQ17.

- Bà NLQ2, sinh năm 1937.

Cha mẹ ông T2, bà L chết trước ông T2, bà L. Ngoài những người con trên ông T2, bà L không có con riêng, con nuôi nào khác.

Nguyên đơn cho rằng căn nhà trên là tài sản chung chưa chia của bà Trà Thị B2, bà Trà Thị R, bà Trà Thị S, ông Trà Văn T3 và bà NLQ2 nên yêu cầu được hưởng 1/5 giá trị căn nhà số 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh (Sau đây gọi là nhà 9/1) là kỷ phần thừa kế của bà Trà Thị S (mẹ của các nguyên đơn). Ngoài ra, bà R chết còn 02 người em là Trà Thị S và bà NLQ2, nên di sản của bà R để lại cho 02 người em ruột là bà Trà Thị S và bà NLQ2 nên yêu cầu được hưởng ½ kỷ phần thừa kế của bà R để lại.

Bị đơn ông Trà Anh K có đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Minh Ph1, ông Bùi Minh Ngh, ông Phan Ngọc Ng trình bày:

Về nguồn gốc tài sản và các hàng thừa kế như lời khai của nguyên đơn trình bày là đúng.

Căn nhà 9/1 có nguồn gốc của ông Trà Văn T2 và bà Lê Thị L. Năm 1982 sau khi ông T2 chết, cha ông K là Trà Văn T3 có làm tờ khai trước bạ di sản ngày 15/4/1993 trong đó có 03 người là bà Trà Thị B2, bà Trà Thị S và bà Trà Thị R lập tờ khai khước từ di sản ngày 16/02/1993. Ông T3 đã nộp thuế trước bạ di sản nhà, đất 9/1 tại Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ngày 27/4/1993.

Do đó, ông K không đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung của đồng nguyên đơn; yêu cầu của các đồng thừa kế của bà Trà Thị B2 được hưởng 1/5 giá trị căn nhà thuộc quyền thừa hưởng của bà S, bà B2; yêu cầu được hưởng ½ giá trị tài sản của bà Trà Thị R (yêu cầu của bà NLQ2 và đồng nguyên đơn) vì bà B2, bà S, bà R đã khước từ di sản và đã cho ông Trà Văn T3 phần tài sản mà bà S, bà R được hưởng thừa kế từ năm 1993.

Đối với yêu cầu chia di sản của bà NLQ2, ông K đồng ý thanh toán cho bà NLQ2 1/5 giá trị căn nhà trên. Do ông Trà Văn T3 đã lập di chúc ngày 13/02/1996 để lại di sản đối với căn nhà trên cho ông Trà Anh K, ông NLQ1 nên căn nhà trên thuộc quyền sở hữu của ông K, NLQ1.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- *Ông NLQ1 có đại diện ủy quyền là ông Dương Đức Th trình bày:* Về nguồn gốc tài sản và các hàng thừa kế như lời khai của nguyên đơn trình bày là đúng. Ông NLQ1 là con của ông Trà Văn T3, ông NLQ1 có ý kiến trình bày như bị đơn ông Trà Anh K. Ông NLQ1 yêu cầu được nhận giá trị kỷ phần thừa kế theo di chúc của ông Trà Văn T3.

- *Bà NLQ17 có đại diện ủy quyền là bà Đặng Thị Cẩm V trình bày*: Về nguồn gốc tài sản và các hàng thừa kế như lời khai của nguyên đơn trình bày là đúng. Bà NLQ17 không yêu cầu chia di sản thừa kế của cha là ông Trà Văn T3 vì ông T3 đã lập di chúc ngày 13/02/1996 để lại di sản đối với căn nhà trên cho ông Trà Anh K và ông NLQ1.

- *Bà NLQ16 có đại diện ủy quyền là bà Nguyễn Thị Minh Ph1, ông Bùi Minh Ngh trình bày*: Bà NLQ16 là vợ của ông Trà Anh K, bà có ý kiến trình bày và yêu cầu như ông K.

- *Ông NLQ3, bà NLQ4, bà NLQ5, bà NLQ6 và bà NLQ7 có đại diện ủy quyền là ông Trần Hữu L trình bày*: Về nguồn gốc tài sản và các hàng thừa kế như lời khai của nguyên đơn trình bày là đúng. Ông NLQ3, bà NLQ4, bà NLQ5, bà NLQ6 và bà NLQ7 yêu cầu được hưởng 1/5 giá trị căn nhà thuộc quyền thừa hưởng của bà Trà Thị B2 trong căn nhà 9/1 hiện ông Trà Anh K đang quản lý sử dụng.

- *Bà NLQ2 có đại diện ủy quyền là ông Trần Hữu L trình bày*: Về nguồn gốc tài sản và các hàng thừa kế như lời khai của nguyên đơn trình bày là đúng. Bà NLQ2 là con ông Trà Văn T2 và bà Lê Thị L, bà NLQ2 yêu cầu được hưởng 1/5 giá trị căn nhà 9/1 là di sản mà cha mẹ chết để lại cho bà NLQ2; Ngoài ra, bà NLQ2 yêu cầu được hưởng ½ kỷ phần thừa kế do bà Trà Thị R chết để lại cho bà NLQ2 và bà Trà Thị S.

- *Ông NLQ12 trình bày*: Về nguồn gốc tài sản và các hàng thừa kế như lời khai của nguyên đơn trình bày là đúng. Ông NLQ12, bà NLQ11, bà NLQ7, bà NLQ13 là con cùa ông Võ Văn T4 (chết ngày 12/4/1992) và bà Lê Thị D (chết ngày 03/7/2002, cha mẹ bà D chết trước bà D) là cháu nội của bà Trà Thị B2, các ông bà yêu cầu được hưởng phần di dản thừa kế của bà B2 trong khối tài sản chung là căn nhà 9/1 theo quy định của pháp luật, không yêu cầu chia di sản của bà B2 cho từng người mà để cho các con của bà B2 tự phân chia.

- *Bà NLQ11 trình bày*: Bà có ý kiến như ông NLQ12 trình bày.

- *Bà NLQ14, ông NLQ15 có đại diện ủy quyền là bà Nguyễn Thị M trình bày*: Về nguồn gốc tài sản và các hàng thừa kế như lời khai của nguyên đơn trình bày là đúng. Bà NLQ14 là vợ ông Nguyễn Hữu H1 (chết ngày 29/12/2002), là con dâu của bà Trà Thị S, bà NLQ14 và ông H1 chung sống với nhau có 01 người

con là NLQ15. Bà NLQ14, ông NLQ15 không có yêu cầu chia tài sản chung của bà S cho từng người mà để tự các con của bà S phân chia.

- *Bà NLQ9 trình bày*: Về nguồn gốc tài sản và các hàng thừa kế như lời khai của nguyên đơn trình bày là đúng. Bà là vợ ông Võ Tấn X chết ngày 26/12/2005, là con dâu của bà Trà Thị B2, bà và ông X chung sống với nhau có 01 con chung là bà NLQ10, bà yêu cầu được hưởng phần di sản của bà B2 trong khối tài sản chung là căn nhà 9/1 theo quy định của pháp luật. Bà không yêu cầu chia di sản của bà B2 cho từng người mà để các con của bà B2 tự phân chia.

- *Bà NLQ10 có đại diện ủy quyền là ông Phạm Hoàng T1 trình bày*: Về nguồn gốc tài sản và các hàng thừa kế như lời khai của nguyên đơn trình bày là đúng. Bà NLQ10 là con của ông Võ Tấn X (chết ngày 26/02/2005) và bà NLQ9 là cháu nội của bà Trà Thị B2. Bà NLQ10 yêu cầu được hưởng phần di sản của bà B2 trong khối tài sản chung là căn nhà số 9/1 theo quy định của pháp luật. Bà NLQ10 không yêu cầu chia di sản của bà B2 cho từng người mà để cho các con của bà B2 tự phân chia.

Tờ khước từ di sản ngày 16/02/1993 của bà Trà Thị B2 không có giá trị vì theo khoản 3 Điều 15 và khoản 3 Điều 20 của Nghị định số 45/HĐBT ngày 27/02/1991 thì Tờ khước từ di sản ngày 16/02/1993 không được chứng thực theo đúng quy định của pháp luật.

- *Ông NLQ18*: Ông là người thuê nhà số 9/1 của ông Trà Anh K việc thuê nhà chỉ thỏa thuận miệng không làm hợp đồng. Việc tranh chấp căn nhà 9/1 trong gia đình ông K, do không liên quan nên ông không có ý kiến. Ông chấp nhận mọi phán quyết của Tòa án và xin vắng mặt trong các buổi hòa giải và xét xử.

- Bà NLQ19, bà NLQ20, ông NLQ21, bà NLQ22 đồng thời là đại diện theo pháp luật NLQ23, NLQ24, Nguyễn Thị Chí trình bày: Như ý kiến của ông NLQ18.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 3288/2009/DSST ngày 03/11/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Thị Ba, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Thu Ph về việc yêu cầu chia tài sản chung đối với căn nhà số 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà NLQ2 về việc yêu cầu chia tài sản chung là 1/5 giá trị căn nhà số 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh. Ghi nhận việc ông Trà Anh K và bà NLQ16 (vợ ông K) đồng ý hoàn trả cho bà NLQ2 1/5 giá trị căn nhà /1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh bằng 6.161.900.000 đồng là 1/5 giá trị căn nhà nêu trên.

Ghi nhận việc các thừa kế của ông Trà Văn T3 là ông Trà Anh K, ông NLQ1, bà NLQ17 tự giải quyết việc chia di sản ông Trà Văn T3 là căn nhà số 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 73/2010/DSPT ngày 09/04/2010 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của cha mẹ và chia di sản thừa kế của chị ruột để lại (Tài sản của cụ Tiếu, cụ Láng, di sản thừa kế của bà R).

- Xác định nhà, đất số 9/1 ĐVN (số cũ 11/5 đường HQT), phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của cụ Trà Văn T2 và cụ Lê Thị L chết để lại, được chia đều các con.

- Xác định phần tài sản của bà Trà Thị R được hưởng của cha mẹ là di sản thừa kế của 02 người em ruột là bà Trà Thị S và bà NLQ2.

- Ông Trà Văn T3 được hưởng 2/10 giá trị đất của căn nhà trên và 718.217.500 đồng. Ông T3 chết năm 2004. Hai con của ông T3 là Trà Anh K và NLQ1 được hưởng (ông Trà Anh K đại diện nhận, sau này tự chia lại).

- Bà Trà Thị S được hưởng 3/10 giá trị đất của căn nhà (trong đó 2/10 tài sản của cha mẹ và 1/10 là di sản của chị là bà Trà Thị R).

Bà S chết năm 2007. Các con là Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Thu Ph, Nguyễn Hữu H1 được hưởng (ông Nguyễn Văn H đại diện nhận, sau đó chia lại với nhau).

- Bà NLQ2 được hưởng 3/10 giá trị đất của căn nhà (trong đó 2/10 tài sản của cha mẹ - 1/10 là di sản của chị là bà Trà Thị R). Do ông Trần Hữu L nhận.

- Bà Trà Thị B2 được hưởng 2/10 giá trị đất của căn nhà trên. Bà B2 chết năm 1994. Các con được hưởng là:

+ NLQ3 (đại diện là ông Trần Hữu L);

+ NLQ8 (đại diện là ông Đặng Hoàng T1);

+ NLQ4 (ủy quyền cho ông L);

+ NLQ5 (ủy quyền cho ông L);

+ NLQ6 (ủy quyền cho ông L) ;

+ Ông Võ Văn T4 (chết) các con là NLQ12, NLQ11, bà NLQ13, bà NLQ7 (đại diện cho NLQ7 là ông L). Các con của ông T4 tự chia lại với nhau.

+ Ông Võ Tấn X (vợ là NLQ9, con là NLQ10).

Các con, cháu bà B2 sau khi nhận kỷ phần, sẽ tự chia lại với nhau.

- Khi có đơn yêu cầu, cơ quan thi hành án phát mãi nhà, đất kể trên. Giá trị thực tế được trừ 718.217.500 đồng tiền xây dựng của ông T3, trừ các chi phí phục vụ việc phát mãi, số tiền còn lại chia theo kỷ phần nêu trên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí sơ thẩm đối với các đương sự.

Ngày 27/10/2010, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành Quyết định kháng nghị số 163/QĐ/KNGĐT–V5 ngày 27/10/2010 đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm theo hướng: Hủy bản án dân sự phúc thẩm số 73/2010/DSPT ngày 09/04/2010 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân

dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm xét xử lại theo đúng qui định của pháp luật.

Theo Quyết định giám đốc thẩm số 08/2012/DS-GĐT ngày 13/3/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

1/ Hủy bản án dân sự phúc thẩm số 73/2010/DSPT ngày 09/04/2010 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và hủy bản án dân sự sơ thẩm số 3288/2009/DSST ngày 03/11/2010 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án "Tranh chấp chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản", giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Thu Ph với bị đơn là ông Trà Anh K; Những người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan gồm: cụ NLQ2, bà NLQ16, ông NLQ1, bà NLQ17, ông NLQ3, bà NLQ4, bà NLQ5, bà NLQ6, chị NLQ7, bà NLQ8, bà NLQ9, chị NLQ10, chị Võ Thị Thanh Thủy, chị NLQ13, anh NLQ12, bà NLQ14, anh NLQ15, Công ty TNHH Một Thành viên Cam Ly (do anh Trương Ngọc H2 đại diện theo ủy quyền) và anh NLQ18.

2/ Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại theo đúng qui định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 257/2017/DS-ST ngày 14/3/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 31 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Căn cứ Điều 26; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 147; Điều 165; Điều 228 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016; Căn cứ Điều 305, Điều 674, Điều 646, Điều 652 của Bộ luật dân sự; Căn cứ Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Căn cứ mục 8 của Nghị quyết 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội Đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 01/2012/HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội Đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Thu Ph (các đồng thừa kế của bà Trà Thị S) về việc yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế (phần di sản của bà Trà Thị R) đối với căn nhà số 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Không chấp nhận yêu cầu của ông NLQ3, bà NLQ8, bà NLQ4, bà NLQ5, bà NLQ6, ông NLQ12, bà NLQ11, bà NLQ13, bà NLQ7, bà NLQ9, bà NLQ10 (các đồng thừa kế của bà Trà Thị B2) về việc yêu cầu chia tài sản chung căn nhà số 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Không chấp nhận yêu cầu của bà NLQ2 về việc yêu cầu chia ½ kỷ phần thừa kế của bà Trà Thị R tương đương 2/10 giá trị căn nhà số 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn không yêu cầu xem xét công sức sửa chữa, giữ gìn nhà 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Chấp nhận yêu cầu của bà NLQ2 về việc yêu cầu chia tài sản chung là 1/5 giá trị nhà và đất tại số 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Công nhận giá trị nhà, đất của căn nhà 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của bà NLQ2, ông Trà Anh K và ông NLQ1:

Ông Trà Anh K và ông NLQ1 mỗi người được hưởng 2/5 giá trị nhà, đất số 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà NLQ2 được hưởng 1/5 giá trị nhà, đất số 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị nhà và đất số 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh được xác định tại thời điểm thi hành án (theo thỏa thuận, theo định giá hoặc theo thẩm định giá và đã cấn trừ chi phí liên quan đến việc xác định giá trị).

4/ Ghi nhận việc ông Trà Anh K và bà NLQ16 (vợ ông K) đồng ý hoàn trả cho bà NLQ2 1/5 giá trị nhà, đất và hoàn trả cho ông NLQ1 2/5 giá trị nhà, đất 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh, để ông K và bà Ty được sở hữu toàn bộ căn nhà trên.

Việc ông Trà Anh K, bà NLQ16 giao trả cho các đương sự theo mục 4 và việc ông Trà Anh K, bà NLQ16 được sở hữu toàn bộ nhà, đất tại số 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện cùng một lúc tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông NLQ1, bà NLQ2 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trà Anh K, bà NLQ16 không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng ông K, bà Ty còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

5/ Trong trường hợp ông Trà Anh K không thanh toán kỷ phần thừa kế cho ông NLQ1, bà NLQ2 theo mục 4 nêu trên, thì hết thời hạn 6 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, một trong 3 đương sự là bà NLQ2 , ông NLQ1, ông K (là người được tuyên đồng sở hữu) được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi nhà, đất trên. Giá trị thực tế được trừ các chi phí liên quan đến việc phát mãi, số tiền còn lại sẽ chia kỷ phần theo tỷ lệ tại mục 3.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn do bà Nguyễn Thị M đại diện không yêu cầu xem xét chi phí đo vẽ, định giá và thẩm định giá.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 21 tháng 3 năm 2017, ông Trần Hữu L đại diện ủy quyền của bà NLQ2 kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận phần tài sản

chung của bà R trong căn nhà 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh. Phân chia di sản của bà Trà Thị R, bà NLQ2 yêu cầu được nhận ½ giá trị di sản thừa kế của bà R.

Ông Trần Hữu L đại diện cho ông NLQ3, bà NLQ4, bà NLQ5, bà NLQ7, NLQ6 kháng cáo yêu cầu sửa bán án sơ thẩm theo hướng công nhận phần tài sản chung của bà Trà Thị B2 trong căn nhà 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh. Chấp nhận yêu cầu cho các ông bà được hưởng 1/5 giá trị nhà đất trên thuộc quyền sở hữu chung của bà Trà Thị B2.

Ngày 22/3/2017, bà Nguyễn Thị M là đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Thu Ph có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị M đại diện ủy quyền của các nguyên đơn Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Thu Ph giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; cho rằng bản án sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá toàn diện các chứng cứ, tình tiết, sự kiện có trong hồ sơ vụ án; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

- Ông Trần Hữu L đại diện theo ủy quyền cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà NLQ2, ông NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận phần tài sản chung của bà Trà Thị B2, Trà Thị R trong căn nhà số 11/5 (số mới 9/1) ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn - ông Trà Anh K có đại diện theo ủy quyền là ông Phan Ngọc Ng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Tờ khước từ di sản không tuân thủ về mặt hình thức, không được xác lập tại Phòng Công chứng. Việc tặng cho của các đương sự không hợp pháp. Đối với chữ ký của bà Trà Thị S trong văn bản khước di sản không được xác định có phải là chữ ký của bà S hay không? Ủy ban nhân dân phường sử dụng con dấu để xác nhận không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Tờ khai trước bạ có nhiều chữ viết thêm không được làm rõ là ai viết.

Cấp sơ thẩm xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông Trà Văn T3 là đúng nhưng tại Tờ trình 927 ngày 05/7/2004 của Phòng quản lý đô thị quận PN thì nội dung không có phần xác lập quyền sở hữu cho ông T3 tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập Phòng quản lý đô thị để làm rõ việc cấp giấy cụ thể ra sao là còn thiếu sót.

Tờ khước từ di sản của bà Trà Thị R không đủ giá trị pháp lý vì bà R thì hạn chế năng lực hành vi, không có xác nhận của cơ quan công chứng.

Với các chứng cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận Tờ khước từ di sản của các đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chia khối di sản của ông T2, bà L cho các thừa kế theo quy định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của đại diện của nguyên đơn và đại diện của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến tranh luận của các bên; quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị M - đại diện ủy quyền của nguyên đơn và ông Trần Hữu L - đại diện ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ; được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Các nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Thu Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung và tranh chấp thừa kế đối với căn nhà số 9/1 ĐVN (số cũ là 11/5 HQT), phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của ông Trà Văn T2 và bà Lê Thị L. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

[3] Xét kháng cáo của các nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về hàng thừa kế: Các nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều thống nhất ông Trà Văn T2 (chết năm 1982) và bà Lê Thị L (chết năm 1977) có năm người con chung là bà Trà Thị B2, Trà Thị R, Trà Thị S, Trà Văn T3 và NLQ2. Trong số năm người con này chỉ có bà NLQ2 còn sống nên Tòa án xác định bà NLQ2 cùng các đồng thừa kế của bà S, bà R, bà B2, ông T3 là đồng thừa kế của ông T2, bà L.

[3.2] Về nguồn gốc di sản thừa kế là căn nhà số 9/1 ĐVN, phường 10, quận PN là di sản của ông T2 và bà L chết để lại, hiện do ông Trà Văn T3 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

[3.3] Các nguyên đơn cho rằng căn nhà 9/1 ĐVN là di sản thừa kế của ông Trà Văn T2 và bà Lê Thị L chết để lại cho các ông bà Trà Thị S, Trà Thị B2, Trà Văn T3, NLQ2 là tài sản chung chưa chia nên yêu cầu chia 1/5 giá trị căn nhà số 9/1 ĐVN là phần tài sản của bà S, 1/10 giá trị căn nhà do được hưởng từ kỷ phần của bà R. Các đồng thừa kế của bà B2 yêu cầu nhận 1/5 giá trị nhà đất tại số 9/1 ĐVN là phần tài sản của bà B2, bà NLQ2 yêu cầu nhận phần của bà và 1/10 giá trị nhà là phần bà được hưởng từ bà R.

[3.4] Bị đơn thừa nhận căn nhà số 9/1 ĐVN là di sản của ông T2 và bà L chết để lại cho các ông bà Trà Thị S, Trà Thị B2, Trà Văn T3, Trà Thị R và NLQ2. Tuy nhiên, bà Trà Thị S, Trà Thị B2, Trà Thị R đã lập tờ khai khước từ di sản do cha mẹ chết để lại ngày 16/02/1993, đồng thời cho ông Trà Văn T3 toàn bộ quyền sở hữu đối với căn nhà nói trên, việc khước từ này có lập thành văn bản và được Ủy ban nhân dân phường xác nhận, ông T3 đã hoàn tất việc trước bạ di sản ngày 27/4/1993 nên phần sở hữu chung của căn nhà này chỉ còn của ông Trà Văn T3 và bà NLQ2.

[3.5] Xét Giấy khước từ di sản do bà Trà Thị B2, Trà Thị S, Trà Thị R lập ngày 16/02/1993 đã được Ủy ban nhân dân cấp xã APĐ, huyện HM (nơi bà B2 thường trú); xã BHH, huyện BC (nơi bà S thường trú) và Ủy ban nhân dân phường 10, quận PN (nơi bà R thường trú) xác nhận chữ ký và dấu vân tay. Các nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho rằng Giấy khước từ di sản ngày 16/02/1993 là giấy giả mạo nhưng không có tài liệu gì để chứng minh. Tuy nhiên, theo yêu cầu của các đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã trưng cầu giám định 03 con dấu của Ủy ban nhân dân xã APĐ, huyện Hóc Môn; xã BHH, huyện BC và Ủy ban nhân dân phường 10, quận PN trên giấy xác nhận chữ ký, dấu vân tay của bà S, bà B2, bà R. Kết quả giám định cho thấy các dấu tròn trên Giấy khước từ và mẫu dấu tròn so sánh của các cơ quan (Ủy ban nhân dân xã APĐ, huyện HM; xã BHH, huyện BC và Ủy ban nhân dân phường 10, quận PN) là cùng một con dấu đóng ra.

[3.6] Ngoài ra, nguyên đơn còn nêu ra một số căn cứ khác để cho rằng bà S, bà B2 và bà R không lập Giấy khước tài sản nhưng không có gì để chứng minh và sau khi thu thập chứng cứ Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu của nguyên đơn đòi chia 1/5 giá trị căn nhà số 9/1 ĐVN là kỷ phần của bà S và 1/10 giá trị căn nhà do được hưởng từ kỷ phần của bà R là có căn cứ. Tại đơn kháng cáo và trước phiên tòa phúc thẩm các đương sự kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới; do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các đương sự; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị M đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn gồm các ông bà Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Thu Ph; ông Trần Hữu L đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà NLQ2, ông NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 257/2017/DS-ST ngày 14/3/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 31 Pháp lệnh thừa kế năm 1990.

Căn cứ vào Điều 26; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 147; Điều 165; Điều 228 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 305, 674, 646, 652 của Bộ luật dân sự 2005

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Thu Ph (các đồng thừa kế của bà Trà Thị S) về việc yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế (phần di sản

của bà Trà Thị R) đối với căn nhà số 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Không chấp nhận yêu cầu của ông NLQ3, bà NLQ8, bà NLQ4, bà NLQ5, bà NLQ6, ông NLQ12, bà NLQ11, bà NLQ13, bà NLQ7, bà NLQ9, bà NLQ10 (các đồng thừa kế của bà Trà Thị B2) về việc yêu cầu chia tài sản chung căn nhà số 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Không chấp nhận yêu cầu của bà NLQ2 về việc yêu cầu chia ½ kỷ phần thừa kế của bà Trà Thị R tương đương 2/10 giá trị căn nhà số 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn không yêu cầu xem xét công sức sửa chữa, giữ gìn nhà 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Chấp nhận yêu cầu của bà NLQ2 về việc yêu cầu chia tài sản chung là 1/5 giá trị nhà và đất tại số 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Công nhận giá trị nhà, đất của căn nhà 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của bà NLQ2, ông Trà Anh K và ông NLQ1:

Ông Trà Anh K và ông NLQ1 mỗi người được hưởng 2/5 giá trị nhà, đất số 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà NLQ2 được hưởng 1/5 giá trị nhà, đất số 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị nhà và đất số 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh được xác định tại thời điểm thi hành án (theo thỏa thuận, theo định giá hoặc theo thẩm định giá và đã cấn trừ chi phí liên quan đến việc xác định giá trị).

4/ Ghi nhận việc ông Trà Anh K và bà NLQ16 (vợ ông K) đồng ý hoàn trả cho bà NLQ2 1/5 giá trị nhà, đất và hoàn trả cho ông NLQ1 2/5 giá trị nhà, đất 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh, để ông K và bà Ty được sở hữu toàn bộ căn nhà trên.

Việc ông Trà Anh K, bà NLQ16 giao trả cho các đương sự theo mục 4 và việc ông Trà Anh K, bà NLQ16 được sở hữu toàn bộ nhà, đất tại số 9/1 (số cũ 11/5 đường HQT), ĐVN, phường 10, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện cùng một lúc tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông NLQ1, bà NLQ2 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trà Anh K, bà NLQ16 không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng ông K, bà NLQ16 còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

5/ Trong trường hợp ông Trà Anh K không thanh toán kỷ phần thừa kế cho ông NLQ1, bà NLQ2 theo mục 4 nêu trên, thì hết thời hạn 6 tháng kể từ ngày án

có hiệu lực pháp luật, một trong 3 đương sự là bà NLQ2 , ông NLQ1, ông K (là người được tuyên đồng sở hữu) được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi nhà, đất trên. Giá trị thực tế được trừ các chi phí liên quan đến việc phát mãi, số tiền còn lại sẽ chia kỷ phần theo tỷ lệ tại mục 3.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn do bà Nguyễn Thị M đại diện không yêu cầu xem xét chi phí đo vẽ, định giá và thẩm định giá.

6/ Án phí dân sự phúc thẩm:

- Nguyên đơn gồm các ông bà Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Thu Ph phải nộp 1.200.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp tại biên lai thu số 0033919 ngày 03/3/2017, 0034252 ngày 23/5/2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh (Do bà Nguyễn Thị M đại diện nộp). Ông H, ông B, bà T, bà Ph còn phải liên đới nộp tiếp 900.000 đồng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7 mỗi người phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại các biên lai thu số 0033902, 0033903, 0033904, 0033905, 0033906, 0033907 ngày 29/3/2018; biên lai thu số 0034284, 0034285, 0034286, 0034287, 0034288, 0034289 ngày 29/5/2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh (do ông Trần Hữu L đại diện nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP (3), HS (2), 40b. (ÁN 09)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Ba